

Cảnh báo song song - Số bốn

Những nền tảng của đức tin và hiểm họa của sự lãng quên: Những bài học từ lời tiên tri và lịch sử

Jeff Pippenger

2023-08-08

Người ấy sẽ dạy tri thức cho ai? Và người ấy sẽ làm cho ai hiểu giáo huấn? Cho những kẻ đã cai sữa, đã rời vú mẹ.

Vì điều răn chồng lên điều răn, điều răn chồng lên điều răn; dòng trên dòng, dòng trên dòng; chỗ này một chút, chỗ kia một chút:

Vì bằng môi lấp bấp và bằng một thứ tiếng khác, Ngài sẽ nói với dân này. Ngài đã phán với họ rằng: Đây là sự yên nghỉ để các ngươi làm cho kẻ mệt mỏi được nghỉ; và đây là sự tươi tỉnh; nhưng họ chẳng chịu nghe.

Nhưng đối với họ, lời của Đức Giê-hô-va là: luật lệ trên luật lệ, luật lệ trên luật lệ; dòng trên dòng, dòng trên dòng; đây một chút, kia một chút; để họ đi, và té ngựa, và bị vỡ nát, và mắc bẫy, và bị bắt. Ê-sai 28:9-13.

Những câu này trong sách Ê-sai đã được đề cập nhiều lần trong Các Bảng của Ha-ba-cúc. Ở đây tôi chỉ cần lướt qua, rút ra một hai điểm từ những câu trước ấy để bổ sung cho cuộc thảo luận hiện tại. Đoạn này cho thấy một dân sự đã không vượt qua một bài thử, vì họ "đi, rồi ngã lúi, bị vỡ, bị sa bẫy và bị bắt." Họ là một dân sự đã trượt một bài thử liên quan đến việc Đức Chúa Trời sẽ tìm cách "dạy" ai để "hiểu" "sự hiểu biết" hay "giáo lý." Đó là một bài thử dựa trên việc hiểu về sự gia tăng của sự hiểu biết, nên đó chính là bài thử đã phân biệt người khôn ngoan với kẻ ác trong chương mười hai sách Đa-ni-ên, vì hết thảy các nhà tiên tri đều đồng thuận và chỉ ra thời kỳ tận thế. Trong Đa-ni-ên chương mười hai, những "người khôn ngoan" thì hiểu, còn "kẻ ác" thì không hiểu sự gia tăng của sự hiểu biết.

Những người trong đoạn văn của Ê-sai đã bị thử bởi "Lời của Chúa" mà "họ đã không chịu nghe." Và "Lời của Chúa" cụ thể mà họ đã khước từ—điều lẽ ra sẽ cho phép họ "hiểu" sự gia tăng của "sự hiểu biết"—chính là quy tắc Kinh Thánh định nghĩa cách sắp xếp cho đúng các lịch sử mang tính tiên tri. Những người bị vấp ngã trong đoạn của Ê-sai đã từ chối quy tắc cho biết rằng để hiểu một lịch sử tiên tri, bạn phải tìm kiếm dòng đó "một chút ở đây, một chút ở kia." Lời của Chúa tạo ra phép thử mà họ đã bác bỏ chính là kỹ thuật chọn các dòng tiên tri từ chỗ này chỗ khác, rồi đặt một trong những dòng lịch sử tiên tri đã chọn ấy song song với các dòng lịch sử tiên tri khác cùng bàn về một chủ đề. Thành công của nỗ lực đặt dòng trên dòng theo cách này phụ thuộc vào việc áp dụng những quy tắc chân chính của việc giải nghĩa lời tiên tri. Những quy tắc ấy, là các "giới luật," cũng cần được gom góp lại, và chúng được tìm thấy chỗ này chỗ kia trong Kinh Thánh. Những trình nữ của Ê-sai thất bại trong phép thử là vì họ quên điều chính yếu mà lẽ ra họ không được quên, ấy là: lịch sử lặp lại.

"Chúng ta không có gì phải sợ cho tương lai, trừ phi chúng ta quên đường lối Chúa đã dẫn dắt chúng ta và sự dạy dỗ của Ngài trong lịch sử quá khứ của chúng ta." Life Sketches, 196.

Đức Chúa Trời không phải là tác giả của sự rối loạn, và một điểm mấu chốt chứng minh điều đó là mọi tiên tri trong Kinh Thánh đều xác định cùng một dòng sự kiện tiên tri. Họ không phải ai cũng thấy những sự kiện y hệt trên dòng ấy, nhưng đó luôn là cùng một chuỗi sự kiện vào thời kỳ cuối cùng của thế gian. Đó là những sự kiện dẫn đến việc đóng cửa ân điển, tiếp theo là bày tai vạ sau cùng và kết thúc bằng Sự Tái Lâm của Đấng Christ. Câu chuyện của một tiên tri có thể nói về dân sự trung tín của Đức Chúa Trời trong dòng lịch sử ấy, nhưng lời chứng của một tiên tri khác có thể nói về dân sự bất trung của Đức Chúa Trời, hoặc về Hoa Kỳ, Vatican, Liên Hiệp Quốc, các thương nhân trên đất hay Hội giáo; nhưng vẫn luôn là cùng một dòng.

Sứ điệp Ê-li của Ma-la-chi, cùng với các sứ điệp được thể hiện trong Khải Huyền chương 1, 14 và 18, và sứ điệp của Đa-ni-ên chương 11 và 12, đều là cùng một sứ điệp. Tất cả đều thuộc cùng một mạch lịch sử, nhưng mỗi phần lại có đóng góp riêng đặc biệt cho câu chuyện.

Điều hầu như ai cũng hiểu sai về sứ điệp đặc biệt ấy là thực tế rằng nó chỉ được bày tỏ cho dân của Đức Chúa Trời ngay trước khi thời kỳ ân điển của loài người kết thúc. Biết rằng sứ điệp đặc biệt ấy luôn cảnh báo về sự sắp kết thúc của thời kỳ ân điển, chúng ta sẽ xem xét có lẽ minh họa rõ ràng nhất về sự kết thúc thời kỳ ân điển trong Kinh Thánh.

Ai bất chính, cứ bất chính nữa; ai ô uế, cứ ô uế nữa; ai công chính, cứ công chính nữa; ai thánh thiện, cứ thánh thiện nữa. Khải Huyền 22:11.

Trước khi sự kết thúc thời kỳ ân điển được công bố trong đền thánh trên trời qua những lời ở câu mười một, sẽ có một sứ điệp tiên tri cảnh báo đặc biệt từ sách Khải Huyền được mở ấn cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời.

Ngài lại phán cùng tôi rằng: Chớ niêm phong những lời tiên tri của sách này, vì thì giờ đã gần. Ai bất nghĩa, cứ làm điều bất nghĩa nữa; ai ô uế, cứ ô uế nữa; ai công bình, cứ làm điều công bình nữa; ai thánh khiết, cứ nên thánh khiết nữa. Khải Huyền 22:10, 11.

Sẽ có một sứ điệp tiên tri đặc biệt được dân của Đức Chúa Trời nhận biết ngay trước khi bày tai vạ sau cùng xảy ra. Khi "thì giờ đã gần", "lời tiên tri của sách này" (lời tiên tri của Khải Huyền) vốn đã được đóng ấn sẽ được mở ấn. Lời tiên tri duy nhất trong sách Khải Huyền đã được đóng ấn là lời tiên tri về bảy tiếng sấm.

Và tôi thấy một thiên sứ khác, rất mạnh, từ trời đi xuống, khoác lấy một đám mây; trên đầu người có một cầu vồng, mặt người như mặt trời, và chân người như những cột lửa. Trong tay người có một quyển sách nhỏ đã mở; người đặt chân phải trên biển, chân trái trên đất, và cất tiếng kêu lớn như sư tử gầm; và khi người kêu, bảy tiếng sấm cất tiếng. Khi bảy tiếng sấm đã cất tiếng, tôi định viết, thì tôi nghe một tiếng từ trời phán với tôi: Hãy niêm kín những điều mà bảy tiếng sấm đã nói, chớ ghi chép chúng. Khải Huyền 10:1-4.

Ngay trước khi thời kỳ ân điển của nhân loại khép lại, khi "thì giờ đã gần" sẽ có sự mở ấn một lẽ thật đặc biệt của Kinh Thánh, chỉ ra "những điều sắp phải xảy đến." Thiên sứ mạnh mẽ trong Khải Huyền đoạn mười chính là Chúa Giê-su Christ, Đấng đã gầm lên như sư tử.

“Thiên sứ quyền năng đã chỉ dạy Giăng không ai khác hơn là chính Chúa Giê-su Christ. Việc Ngài đặt chân phải của Ngài trên biển và chân trái trên đất khô cho thấy vai trò Ngài đang thực hiện trong những cảnh cuối cùng của cuộc đại tranh chiến với Sa-tan. Tư thế này biểu thị quyền năng tối thượng và thẩm quyền của Ngài trên khắp trái đất. Cuộc tranh chiến ấy đã trở nên ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt qua các thời đại, và sẽ còn tiếp tục như vậy cho đến những cảnh kết thúc, khi sự hoạt động tài tình của các quyền lực tối tăm đạt đến tột đỉnh. Sa-tan, liên kết với những kẻ gian ác, sẽ lừa dối cả thế gian và các hội thánh không tiếp nhận tình yêu đối với lẽ thật. Nhưng thiên sứ quyền năng ấy đòi hỏi sự chú ý. Ngài kêu lớn tiếng. Ngài sẽ bày tỏ quyền năng và thẩm quyền của tiếng phán của Ngài cho những kẻ đã liên kết với Sa-tan để chống đối lẽ thật.” Chú giải Kinh Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy, quyển 7, trang 971.

Đến cuối cùng, các "hội thánh" mà "Sa-tan" lừa dối bị lừa dối vì họ đã không tiếp nhận tình yêu của "lẽ thật". Từ "lẽ thật" trong đoạn ở Thê-sa-lô-ni-ca thứ nhì mà Chị White vừa nhắc đến là từ Hy Lạp chính, bắt nguồn từ từ Hê-bơ-rơ được dịch là "lẽ thật", gồm ba chữ cái Hê-bơ-rơ và tượng trưng cho Anpha và Ômêga. Có bằng chứng Kinh Thánh nào cho thấy lẽ thật gắn với quy tắc "lần nhắc đến đầu tiên", vốn biểu thị một thuộc tính trong bản tánh của Đấng Christ, chính là lẽ thật bị khước từ và do đó sinh ra sự lầm lạc mạnh mẽ không?

Vậy, thưa anh em, chúng tôi nài xin anh em, vì sự đến của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ và vì sự nhóm lại với Ngài, rằng anh em chớ vội rung động trong tâm trí, cũng đừng bối rối, dù bởi thần linh, bởi lời nói, hay bởi thư như thể do chúng tôi gửi, như thể ngày của Đấng Christ đã gần kề. Đừng để ai dùng bất cứ cách nào lừa dối anh em; vì ngày ấy sẽ không đến, nếu trước hết không có sự bội đạo, và người tội ác được tỏ ra, tức là con của sự hư mất; kẻ chống đối và tự tôn mình trên mọi điều được gọi là thần hay được thờ phượng, đến nỗi kẻ ấy ngồi trong đền thờ Đức Chúa Trời, tỏ mình ra rằng mình là Đức Chúa Trời. Anh em há chẳng nhớ rằng khi tôi còn ở với anh em, tôi đã nói những điều ấy cho anh em sao? Bây giờ anh em biết điều đang ngăn trở, để kẻ ấy sẽ được tỏ ra đúng thì giờ của mình. Vì sự mầu nhiệm của tội ác đã hoạt động rồi; chỉ có Đấng hiện nay đang ngăn trở sẽ còn ngăn trở cho đến khi bị cất đi. Bây giờ kẻ gian ác sẽ được tỏ ra, mà Chúa sẽ tiêu diệt kẻ ấy bởi hơi thở từ miệng Ngài và sẽ hủy diệt bởi sự rực rỡ của sự đến của Ngài; kẻ ấy là kẻ đến theo sự hoạt động của Sa-tan, với mọi quyền năng, dấu lạ và phép lạ dối trá, và với mọi sự lừa dối của điều gian ác nơi những người bị diệt vong, vì họ đã không nhận tình yêu đối với lẽ thật để được cứu. Vì cơ đó Đức Chúa Trời sẽ sai đến cho họ một sự mê lầm mạnh mẽ, để họ tin điều dối trá; hầu cho hết thấy những kẻ không tin lẽ thật mà lại ưa thích điều gian ác đều bị kết án. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12.

Đoạn này trong sách Tê-sa-lô-ni-ca đã thường được đề cập trong các Bảng của Ha-ba-cúc, nên lúc này chúng tôi chỉ nêu một nhận xét ngắn. Điều mà Chị White gọi là “hành động lạ lùng của Sa-tan” chính là điều Phao-lô gọi là “sự hoạt động của Sa-tan với mọi quyền năng, các dấu lạ và những phép lạ dối trá.” Công việc lừa dối được Chị White và Phao-lô xác định bắt đầu từ luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ.

"Bởi sắc lệnh buộc thi hành thiết chế của chế độ giáo hoàng, vốn vi phạm luật của Đức Chúa Trời, quốc gia chúng ta sẽ hoàn toàn tự tách mình khỏi sự công chính. Khi Tin Lành vươn tay qua vực ngăn để nắm lấy tay quyền lực La Mã, khi nó với tay qua vực thẳm để bắt tay với

Thuyết cầu hồn, khi, dưới ảnh hưởng của liên minh ba bên này, đất nước chúng ta chối bỏ mọi nguyên tắc của Hiến pháp của mình với tư cách là một chính quyền Tin Lành và cộng hòa, và tạo điều kiện cho việc truyền bá những điều dối trá và mê hoặc của giáo quyền La Mã, thì chúng ta có thể biết rằng thời điểm đã đến cho công việc lạ lùng của Sa-tan và rằng sự kết thúc đã gần." Testimonies, tập 5, 451.

Trong đoạn Tê-sa-lô-ni-ca mà chúng ta đang xem xét, Phao-lô xác định giáo hoàng vào cuối thế giới bằng bốn thuật ngữ khác nhau. Giáo hoàng là "người tội ác," là "con của sự hư mất," là "mâu nhiệm của điều gian ác" và "kẻ Gian Ác ấy." Phao-lô còn nêu một vài đặc điểm khác của giáo hoàng ngoài bốn tên gọi ấy, vì ông cho biết rằng giáo hoàng (người mà vào thời Phao-lô vẫn còn thuộc về tương lai) "sẽ được bày tỏ đúng thì."

Giáo hoàng "sẽ được bày tỏ vào thời kỳ của mình", và bằng chứng Kinh Thánh rõ ràng nhất—dù tuyệt nhiên không phải là lẽ thật Kinh Thánh duy nhất—rằng giáo hoàng của Giáo hội La Mã là Phản Kitô theo lời tiên tri trong Kinh Thánh được xác lập bởi bảy chỗ dẫn khác nhau và trực tiếp trong Kinh Thánh, những chỗ xác định "thời kỳ" mà chế độ giáo hoàng sẽ thống trị thế giới, chính "thời kỳ" mà nhân loại gọi là Thời kỳ Tăm Tối. Kinh Thánh bày tỏ về chế độ giáo hoàng bằng cách lập đi lập lại việc nêu rõ khoảng "thời gian" chính xác, từ năm 538 cho đến năm 1798, khi chế độ giáo hoàng sẽ cai trị thế giới. Phao-lô nói rằng ông ta sẽ được bày tỏ vào thời kỳ của mình.

Phao-lô cũng xác định rằng chính giáo hoàng là kẻ "chống nghịch và tôn mình lên trên mọi điều được gọi là Đức Chúa Trời, hoặc được thờ phượng; đến nỗi ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời như thể mình là Đức Chúa Trời, tỏ ra rằng mình là Đức Chúa Trời." Ngoài những điều khác, điều này cho thấy Phản Kitô trong lời tiên tri Kinh Thánh là một biểu tượng tôn giáo. Hẳn không phải là một Hitler hay một Alexander Đại đế. Điều này càng thu hẹp việc nhận diện giáo hoàng, vì ông ta không chỉ là một bạo chúa tôn giáo; ông ta là một bạo chúa tôn giáo tự xưng ở trong đền thờ của Đức Chúa Trời. Phản Kitô tuyên bố rằng mình ngồi trong Giáo hội Kitô giáo.

Theo Phao-lô và Đa-ni-ên, khi giáo hoàng ở trong giáo hội Cơ Đốc mà ông ta tuyên xưng, ông ta bộc lộ bản chất của Sa-tan, kẻ đã muốn ngồi trên ngai của Đức Chúa Trời và tự tôn mình lên trên mọi sự. Tôi nói Phao-lô và Đa-ni-ên vì phần lớn các nhà chú giải Kinh Thánh nhìn nhận rằng, khi Phao-lô chỉ ra rằng một trong những đặc điểm của giáo hoàng là ông ta là một kẻ ái kỷ hoàn toàn, thì Phao-lô thực ra chỉ đang trích dẫn từ mô tả của Đa-ni-ên về giáo hoàng trong Đa-ni-ên chương mười một, nơi Đa-ni-ên ghi lại:

Vua ấy sẽ làm theo ý mình; người sẽ tự tôn mình và tự đề cao mình trên mọi thần, và sẽ nói những điều lạ lùng nghịch cùng Đức Chúa Trời của các thần, và sẽ thịnh vượng cho đến khi cơn thịnh nộ được hoàn tất; vì điều đã định ắt sẽ xảy ra. Đa-ni-ên 11:36.

Khi Paul đề cập đến bản chất ái kỷ của giáo hoàng, ông diễn giải lại câu của Daniel và nói rằng chính giáo hoàng là kẻ "chống đối và tôn mình lên trên mọi sự được gọi là Đức Chúa Trời, hoặc được thờ phượng; đến nỗi ông ta, như Đức Chúa Trời, ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời, tỏ ra rằng mình là Đức Chúa Trời." Câu trong Daniel xác định đặc tính của chức vị giáo hoàng cũng nhắc đến "thời kỳ" được định để "bày tỏ" rằng chức vị giáo hoàng là kẻ phản Kitô, khi ông cho biết rằng chức vị giáo hoàng sẽ "thịnh vượng" cho đến khi "cơn phẫn nộ được hoàn tất."

“Con phần nô” đã kết thúc vào năm 1798, vì vậy, trong câu này Đa-ni-ên (dấu đây không phải là một trong bảy chỗ trực tiếp trong hai sách Đa-ni-ên và Khải Huyền nơi thời kỳ 1260 năm được nhắc đến) vẫn trực tiếp xác định quyền lực giáo hoàng và ghi nhận rằng nó đã nhận “một vết thương chí tử”, như Giăng gọi, vào năm 1798. Vì thế, câu này xác định sự kết thúc của thời kỳ cai trị của quyền lực giáo hoàng, dù không nêu ra thời lượng của sự cai trị ấy.

Trong đoạn văn này, Phao-lô cũng chỉ ra một quyền lực sẽ kiềm giữ giáo quyền giáo hoàng khỏi việc nắm quyền kiểm soát thế giới vào năm 538, và ông nói rằng các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca mà ông đang viết thư cho họ đã biết rõ chân lý cụ thể này. Ông nêu câu hỏi: "Anh em chẳng nhớ rằng khi tôi còn ở với anh em, tôi đã nói với anh em những điều này sao?" Ông nhắc họ rằng họ đã biết "điều đang kiềm giữ" (nghĩa là kiềm chế) giáo quyền giáo hoàng cho đến khi nó "được bày tỏ vào thì giờ của nó." Quyền lực đi trước và ngăn cản giáo quyền giáo hoàng nắm quyền kiểm soát thế giới chính là quyền lực đang cai trị thế giới khi Phao-lô viết bức thư. Đó là La Mã ngoại giáo. Phao-lô viết rằng La Mã ngoại giáo sẽ bị "loại bỏ" để giáo quyền giáo hoàng có thể nắm quyền kiểm soát thế giới.

Chính sự hiểu biết này đã dẫn William Miller đến chỗ nhận ra rằng quyền lực được biểu tượng là “của lễ hằng ngày” trong sách Đa-ni-ên chính là La Mã ngoại giáo. Phái Cơ Đốc Phục Lâm thừa nhận rằng khuôn khổ—và vì thế, toàn bộ các hiểu biết tiên tri của William Miller—dựa trên sự hiểu biết của ông về các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền, và rằng hai sách ấy đề cập đến hai quyền lực gây hoang tàn là La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Trong đoạn ở Tê-sa-lô-ni-ca, Miller, vốn đã biết (như mọi người Tin Lành thời ông biết) rằng giáo hoàng là kẻ chống Chúa; khi ông nhận ra rằng La Mã ngoại giáo là quyền lực lịch sử đi trước thời cai trị của giáo hoàng, và rằng Phao-lô đã nói La Mã ngoại giáo phải bị cất đi trước khi giáo triều bước lên ngai thống trị trần gian, bấy giờ ông liên hệ điều này với sách Đa-ni-ên và “của lễ hằng ngày”, nơi ba lần nói rằng “của lễ hằng ngày” phải bị “cất đi” trước khi giáo hoàng nắm quyền kiểm soát thế giới. Lời chứng của Phao-lô khiến Miller nhìn thấy rằng La Mã ngoại giáo chính là “của lễ hằng ngày” của Đa-ni-ên, và từ đó ông có thể nhận ra rằng hai quyền lực gây hoang tàn theo Đa-ni-ên là La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Lễ thật này là nền tảng của phong trào Millerite. Ngày nay, Phái Cơ Đốc Phục Lâm dứt khoát bác bỏ công trình của Miller, nhưng họ vẫn hiểu rằng bản tóm lược về quá trình Miller phát triển sự hiểu biết của mình về “của lễ hằng ngày” trong Đa-ni-ên chứng minh rằng quyền lực mà Phao-lô nói đang “ngăn trở” sự trỗi dậy của quyền lực giáo hoàng cho đến khi nó bị cất đi—tức là La Mã ngoại giáo—là sự phân tích đúng đắn về tư duy của Miller đối với các vấn đề này.

Với sự thật rằng “the daily” trong sách Đa-ni-ên là biểu tượng của La Mã ngoại giáo đi trước vương quốc La Mã giáo hoàng mà Đa-ni-ên đã mô tả là sự gớm ghiếc gây nên hoang tàn, Miller khi ấy có thể nhận ra các thời kỳ tiên tri gắn liền với các vương quốc trong lời tiên tri Kinh Thánh; và khi tâm trí ông được mở ra trước những hiểu biết này, ông đã tập hợp một loạt chân lý đại diện cho nền tảng của Phục Lâm. Những chân lý ấy đã được khắc ghi trên hai bảng của các biểu đồ tiên phong năm 1843 và 1850. Những chân lý ấy là nền tảng của Phục Lâm, và chúng được đặt trên sự nhận biết về “thời gian”. Lịch sử về thời điểm các nền tảng được thiết lập là một chủ đề thảo luận chính trong Các Bảng của Ha-ba-cúc.

Điều không được chỉ ra trong Các Bảng của Ha-ba-cúc là các nền tảng dựa trên thời gian đã tạo ra một cấu trúc cung cấp cái nhìn cần thiết để thế hệ cuối cùng nhận ra rằng có những lẽ thật được trình bày như các nền tảng. Có một lẽ thật đầu tiên, chính là hòn đá đầu tiên đặt vào nền móng, nhưng “điều hằng ngày” trong sách Đa-ni-ên không phải là lẽ thật đầu tiên của Miller. Lẽ thật sẽ trở thành hòn đá đầu tiên trong nền móng mà Miller được đẩy lên để xây dựng là “bảy lần” của Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu, nhưng nếu không có lẽ thật về “điều hằng ngày”, Miller đã không nhận ra cấu trúc của lời tiên tri mà ông cần nhận ra để trình bày sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Cấu trúc của ông là đặt lời tiên tri trong viễn cảnh của hai quyền lực tàn phá. Miller đề cập đến con rồng (La Mã ngoại giáo) và con thú (giáo quyền La Mã). Thiên sứ thứ ba đề cập đến con rồng (Liên Hợp Quốc), con thú (giáo quyền La Mã), và tiên tri giả (Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ).

Nếu một người chấp nhận tất cả—không phải một phần, mà là tất cả—các lời tiên tri về thời gian do phái Millerite trình bày trên hai biểu đồ tiên phong thiêng liêng, thì người đó cần tự mình khảo cứu những lẽ thật ấy. Làm sao bạn có thể chấp nhận chúng nếu bạn chưa từng xem xét chúng? Nếu những người đang khảo cứu các lẽ thật nền tảng xem việc kiểm nghiệm các lẽ thật ấy là trách nhiệm cá nhân của mình, và rồi chấp nhận hết thảy những lẽ thật ấy, thì họ đã xây dựng trên Vàng Đá chứ không trên cát.

Nguyện cho những ai đứng làm người canh gác của Đức Chúa Trời trên tường thành Si-ôn là những người có thể nhìn thấy những hiểm nguy trước mắt dân sự, những người có thể phân biệt giữa lẽ thật và sai lầm, công chính và bất chính.

“Lời cảnh báo đã đến: Không được cho phép bất cứ điều gì chen vào làm lung lay nền tảng của đức tin mà trên đó chúng ta đã xây dựng kể từ khi sứ điệp đến vào các năm 1842, 1843 và 1844. Tôi đã ở trong sứ điệp này, và kể từ đó đến nay tôi đã đứng trước thế gian, trung thành với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Chúng tôi không chủ trương rời khỏi nền tảng mà chúng tôi đã đứng, nền tảng được hình thành khi ngày qua ngày chúng tôi tìm kiếm Chúa bằng những lời cầu nguyện tha thiết, khẩn cầu ánh sáng. Bạn có nghĩ rằng tôi có thể từ bỏ ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi không? Ánh sáng ấy phải vững như Vàng Đá Muôn Đời. Từ khi được ban, nó đã dẫn dắt tôi.” Review and Herald, ngày 14 tháng 4, năm 1903.

Để những ai muốn lắng nghe có thể phân tích các lời tiên tri về thời gian trong lịch sử của phong trào Miller, cần phải xem xét các giai đoạn lịch sử được những lời tiên tri về thời gian ấy biểu thị. Điều này thể hiện công việc minh họa các sự kiện trên một dòng thời gian. Khi một người nghiên cứu lời tiên tri đạt tới mức độ khảo cứu mà ở đó người ấy xem xét những giai đoạn tiên tri này—được những người thuộc phong trào Miller xác định từ Kinh Thánh và sau đó được sử liệu chứng thực—người ấy sẽ ở vào vị thế nhận ra rằng lịch sử ở phần mở đầu của lời tiên tri về thời gian, một cách biểu trưng, làm kiểu mẫu cho lịch sử ở phần kết thúc của chính lời tiên tri ấy. Từ điểm nhìn đó, người học nên nhận ra rằng lịch sử lặp lại. Với sự hiểu biết ấy, người ấy cũng nên thấy rằng Chúa Giê-su dùng phần khởi đầu để minh họa phần kết thúc.

Và từ mạch lời tiên tri mô tả sự tận cùng của thế gian như việc “xây dựng một đền thờ”, người học nên biết rằng có một viên đá chóp cuối cùng được đặt lên trên đền thờ vốn được xây trên nền móng. Người ấy nên nhận ra rằng nền móng của đền thờ mà Miller đã được dùng để đưa ra ánh sáng (nền ấy tượng trưng cho Chúa Giê-su Christ, vì không có nền móng nào khác có thể được đặt

ngoài Chúa Giê-su Christ) là một nền móng được xây trên thời gian tiên tri. Bởi vì Chúa Giê-su dùng phần khởi đầu để minh họa phần kết thúc, người học cũng nên thấy rằng viên đá chóp, viên đá cuối cùng trên đền thờ, phải tương ứng với nền móng. Nền móng của đền thờ đối với Miller là thời gian tiên tri, nhưng đâu vậy nền móng ấy vẫn chính là Chúa Giê-su Christ.

Theo ân điển của Đức Chúa Trời đã ban cho tôi, tôi như một thợ cả khôn ngoan đã đặt nền móng, và người khác xây trên nền ấy. Nhưng mỗi người hãy cẩn thận xem mình xây dựng thế nào trên nền ấy. Vì không ai có thể đặt một nền móng nào khác ngoài nền đã đặt, tức là Đức Chúa Jêsus Christ. 1 Cô-rinh-tô 3:10, 11.

Phao-lô xem công việc của mình như việc xây dựng một đền thờ, mà ông đã đặt nền móng, tức phần khởi đầu. Ông là sứ đồ cho dân ngoại và đã được dùng để đặt nền cho Hội Thánh Cơ Đốc. Trong cùng đoạn ấy, Phao-lô cũng khẳng định rằng thân thể chúng ta là đền thờ của Đức Thánh Linh. Cũng có đền thờ của Sa-lô-môn và đền tạm trong đồng vắng; tất cả đều có nền tảng, và nền tảng ấy đều được biểu thị là Đức Chúa Jêsus Christ. Miller được dùng để đặt nền cho đền thờ của Phục Lâm, và nền móng của đền thờ ấy chắc chắn là Đức Chúa Jêsus Christ; nhưng cụ thể hơn, đó là đền thờ được dựng nên bằng những vật liệu mang tính thuộc linh và tiên tri.

Vì vậy, viên đá chóp đỉnh cũng phải là Chúa Giê-su Christ, nhưng viên đá chóp đỉnh cũng phải bao gồm một quy tắc tiên tri hàng đầu, vì Miller đã được ban cho một bộ quy tắc trong đó có quy tắc hàng đầu của những người theo Miller, tức là nguyên tắc “một ngày bằng một năm”. Không có quy tắc ấy thì không có sự nhận biết về tiên tri thời kỳ, và vì thế cũng không có nền tảng. Phải có một đối ứng ở thời kỳ cuối cùng đại diện cho Chúa Giê-su Christ (Nền tảng), là một quy tắc hàng đầu trong một bộ quy tắc thiết lập sự mặc khải về Chúa Giê-su Christ. Quy tắc ấy dĩ nhiên là nguyên tắc “nhắc đến lần đầu”, đại diện cho thuộc tính trong bản tính của Đấng Christ, Đấng chỉ ra sự cuối cùng ngay từ ban đầu.

Trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca, những người không tiếp nhận tình yêu đối với lẽ thật để được cứu đã khước từ lẽ thật, được thể hiện qua một từ Hy Lạp bắt nguồn từ một từ Hê-bơ-rơ gồm ba chữ cái, từ này được dịch là “lẽ thật” trong Cựu Ước. Nhóm người nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ, vì họ đã tin điều dối trá, đã từ chối trở về những nẻo xưa, tức là các nền tảng của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm được thể hiện trên hai biểu đồ thánh. Vậy nên, đoạn văn mà chúng ta đã xem xét suốt một thời gian nay nói rằng:

“Thiên sứ quyền năng đã chỉ dạy Giăng không ai khác hơn là chính Chúa Giê-su Christ. Việc Ngài đặt chân phải của Ngài trên biển và chân trái trên đất khô cho thấy vai trò Ngài đang thực hiện trong những cảnh cuối cùng của cuộc đại tranh chiến với Sa-tan. Tư thế này biểu thị quyền năng tối thượng và thẩm quyền của Ngài trên khắp trái đất. Cuộc tranh chiến ấy đã trở nên ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt qua các thời đại, và sẽ còn tiếp tục như vậy cho đến những cảnh kết thúc, khi sự hoạt động tái sinh của các quyền lực tối tăm đạt đến tột đỉnh. Sa-tan, liên kết với những kẻ gian ác, sẽ lừa dối cả thế gian và các hội thánh không tiếp nhận tình yêu đối với lẽ thật. Nhưng thiên sứ quyền năng ấy đòi hỏi sự chú ý. Ngài kêu lớn tiếng. Ngài sẽ bày tỏ quyền năng và thẩm quyền của tiếng phán của Ngài cho những kẻ đã liên kết với Sa-tan để chống đối lẽ thật.” Chú giải Kinh Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy, quyền 7, trang 971.

Trong đoạn trước, "các hội thánh không tiếp nhận lòng yêu mến lẽ thật" chính là những trinh nữ gian ác và đại dột trong Đa-ni-ên và Ma-thi-ơ mà A-môt 8:12 cho biết sẽ bắt đầu tìm kiếm sứ điệp cảnh cáo sau cùng của Đức Chúa Trời khi đã quá muộn. Đã quá muộn, vì họ đã tin vào một lời dối trá liên quan đến các nền tảng của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm bắt đầu tiếp nhận lời dối trá ấy vào năm 1863, và từ đó trở đi mọi sự chi tuột dốc không phanh.

Tôi cho rằng điều tôi sắp viết hoàn toàn mang tính chủ quan, nhưng kể từ năm 1863 đã có ánh sáng tiên tri mới nào được giới thiệu vào Cơ Đốc Phục Lâm chưa? Ellen White nói về sứ điệp năm 1888 của Jones và Waggoner rằng đó chính là sứ điệp bà đã trình bày suốt nhiều năm. Sứ điệp của họ có thể nghe mới mẻ và gây chấn động đối với phong trào Cơ Đốc Phục Lâm vào năm 1888, nhưng sự mới mẻ và cú sốc ấy không phải do một sứ điệp mới, mà do tình trạng mù lòa đã dần bao phủ dân sự của Đức Chúa Trời kể từ năm 1863.

Ellen White đã xác định rằng phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đang ở trong tình trạng Lao-đi-xê trước năm 1863, vì vậy sự mù lòa của Lao-đi-xê đã sớm xâm lấn phong trào Cơ Đốc Phục Lâm trước năm 1863, nhưng vào năm 1863, hội thánh đã chính thức gạt sang một bên lẽ thật liên quan đến "bảy lần" trong Lê-vi Ký đoạn 26, vốn là "lời tiên tri về thời gian" đầu tiên mà Miller khám phá ra. Từ năm 1863 đến nay, không có ánh sáng tiên tri nào xuất hiện trong phong trào Cơ Đốc Phục Lâm! Điều gì đã thay đổi?

Viên đá đầu tiên của nền móng đền thờ, vốn được xây dựng dựa trên thời kỳ tiên tri và tượng trưng cho Chúa Giê-su Christ, đã bị Chủ nghĩa Phục Lâm gạt sang một bên vào năm 1863. Viên đá đầu tiên do Miller đặt vào nền móng đền thờ—vốn dựa trên thời gian như được Đấng Christ trình bày trong sách Đa-ni-ên, Đấng tự bày tỏ mình là Palmoni, “Đấng đếm số kỳ diệu”—đã bị từ chối và gạt bỏ. Chính viên đá đầu tiên mà Miller khám phá...

Khi trích dẫn lời tiên tri về hòn đá bị loại bỏ, Đấng Christ đã nhắc đến một sự kiện có thật trong lịch sử Israel. Sự kiện này gắn liền với việc xây dựng đền thờ thứ nhất. Dù nó có ý nghĩa đặc biệt vào thời kỳ Đấng Christ giáng lâm lần thứ nhất, và lẽ ra phải tác động mạnh mẽ đến người Do Thái, nó cũng mang một bài học cho chúng ta. Khi đền thờ của Sa-lô-môn được dựng nên, những khối đá khổng lồ dùng cho tường và nền móng đều được gia công hoàn toàn tại mỏ đá; sau khi được đưa đến công trường, không được dùng bất kỳ dụng cụ nào tác động thêm lên chúng; thợ xây chỉ việc đặt chúng vào đúng vị trí. Có một hòn đá kích thước khác thường và hình dạng đặc biệt được đem đến để dùng cho nền móng; nhưng thợ xây không tìm được chỗ nào cho nó và đã không chấp nhận nó. Nó trở thành một sự vướng víu đối với họ khi nằm chắn lối mà không dùng đến. Trong một thời gian dài, nó vẫn là hòn đá bị loại bỏ. Nhưng khi những người thợ đến giai đoạn đặt viên đá góc, họ tìm kiếm rất lâu để tìm một hòn đá có kích cỡ và độ bền đủ, lại có hình dạng phù hợp, để đặt vào vị trí đặc biệt ấy và chịu được sức nặng lớn sẽ đè lên nó. Nếu chọn sai cho vị trí quan trọng này, sự an toàn của cả công trình sẽ bị đe dọa. Họ phải tìm một hòn đá có thể chịu đựng tác động của nắng, sương giá và bão tố. Nhiều hòn đá đã được chọn vào những thời điểm khác nhau, nhưng dưới áp lực của sức nặng khổng lồ, chúng đã vỡ vụn. Những hòn đá khác thì không chịu nổi thử thách của những biến đổi đột ngột của thời tiết. Nhưng cuối cùng người ta chú ý đến hòn đá đã bị loại bỏ bấy lâu. Nó đã phơi giữa không khí, nắng và bão tố mà không lộ ra một vết nứt nhỏ nào. Những người thợ đã xem xét hòn đá này. Nó đã vượt qua mọi phép thử, ngoại trừ một phép thử. Nếu nó chịu

được thử nghiệm về áp lực nặng nề, họ sẽ quyết định chấp nhận nó làm đá góc. Cuộc thử nghiệm được tiến hành. Hòn đá được chấp nhận, đưa vào vị trí đã định, và thấy khớp một cách chính xác. Trong khải tượng tiên tri, Ê-sai được cho thấy rằng hòn đá này là biểu tượng của Đấng Christ. Ông nói:

"Hãy tôn thánh chính Đức Chúa Trời Vạn Quân; hãy để Ngài là nỗi kính sợ của các người, và để Ngài là điều khiến các người kinh khiếp. Ngài sẽ là nơi thánh; nhưng sẽ là hòn đá gây vấp ngã và tảng đá gây vấp phạm cho cả hai nhà của Israel, là lưới và cạm bẫy cho dân cư Jerusalem. Và nhiều người trong họ sẽ vấp, ngã, bị gãy vỡ, bị mắc bẫy và bị bắt.' Trong khải tượng tiên tri dẫn đến lần giáng lâm thứ nhất, nhà tiên tri được cho thấy rằng Đấng Christ sẽ gánh chịu những thử thách và sự thử nghiệm mà cách người ta đối xử với viên đá góc chính trong đền thờ của Sa-lô-môn chỉ mang tính biểu tượng. 'Vì vậy, Chúa là Đức Chúa Trời phán như vậy: Kia, Ta đặt tại Zion một viên đá làm nền tảng, một viên đá đã được thử luyện, một viên đá góc quý báu, một nền tảng chắc chắn; ai tin sẽ không vội vàng.' Isaiah 8:13-15; 28:16."

Trong sự khôn ngoan vô hạn, Đức Chúa Trời đã chọn hòn đá nền tảng và tự tay đặt nó. Ngài gọi nó là “nền tảng vững chắc”. Toàn thể gian có thể đặt lên đó mọi gánh nặng và sàu muộn của mình; nó có thể chịu đựng tất cả. Họ có thể xây dựng trên đó với sự an toàn tuyệt đối. Đấng Christ là một “hòn đá đã được thử luyện”. Ngài chẳng bao giờ làm thất vọng những ai tin cậy nơi Ngài. Ngài đã vượt qua mọi thử thách. Ngài đã chịu đựng gánh nặng tội lỗi của A-đam và tội lỗi của con cháu ông, và đã chiến thắng một cách áp đảo các quyền lực của sự ác. Ngài đã mang lấy những gánh nặng mà mọi tội nhân ăn năn đặt trên Ngài. Trong Đấng Christ, tâm lòng có tội đã tìm được sự giải thoát. Ngài là nền tảng vững chắc. Hết thảy những ai lấy Ngài làm nơi nương cậy đều được an nghỉ trong sự an toàn tuyệt đối.

Trong lời tiên tri của Ê-sai, Đấng Christ được tuyên bố vừa là nền tảng vững chắc vừa là hòn đá vấp phạm. Sứ đồ Phi-e-rơ, viết dưới sự soi dẫn của Đức Thánh Linh, chỉ rõ Đấng Christ là viên đá nền tảng cho ai, và là hòn đá vấp phạm cho ai:

'Nếu quả thật anh em đã nếm biết rằng Chúa là nhân từ. Khi anh em đến gần Ngài, là Hòn Đá Sống, bị loài người loại bỏ nhưng được Đức Chúa Trời chọn và quý báu, thì chính anh em cũng, như những viên đá sống, được xây nên một nhà thuộc linh, một chức tế lễ thánh, để dâng những của lễ thuộc linh, nhờ Đức Chúa Jê-sus Christ mà đẹp lòng Đức Chúa Trời. Vì vậy Kinh Thánh có chép: Đây, Ta đặt tại Si-ôn một đá góc chính, được chọn, quý báu; ai tin nơi Ngài sẽ chẳng bị hổ thẹn. Vậy đối với anh em là những người tin thì Ngài là quý báu; nhưng đối với những kẻ không vâng phục, hòn đá mà các thợ xây loại bỏ đã trở nên đá đầu góc, và là hòn đá vấp phạm, tảng đá gây vấp ngã, tức là cho những kẻ vấp phạm lời, vì không vâng phục.' 1 Phi-e-rơ 2:3-8.

Đối với những ai tin, Đấng Christ là nền tảng vững chắc. Họ là những người ngã trên Hòn Đá và bị dập nát. Ở đây, sự quy phục Đấng Christ và đức tin nơi Ngài được thể hiện. Ngã trên Hòn Đá và bị dập nát là từ bỏ sự tự công chính của mình, đến với Đấng Christ với lòng khiêm nhường của một đứa trẻ, ăn năn những sự vi phạm của mình, và tin vào tình yêu tha thứ của Ngài. Và như vậy, cũng chính bởi đức tin và sự vâng phục mà chúng ta xây trên Đấng Christ làm nền tảng.

Trên viên đá sống này, cả người Do Thái lẫn dân ngoại đều có thể xây dựng. Đây là nền tảng duy nhất mà trên đó chúng ta có thể xây dựng cách vững chắc. Nó đủ rộng cho mọi người, và đủ mạnh để chịu đựng sức nặng và gánh nặng của cả thế gian. Và nhờ sự liên kết với Đấng Christ, viên đá sống, tất cả những ai xây dựng trên nền tảng này đều trở nên những viên đá sống. Nhiều người do nỗ lực riêng đã được đục đẽo, mài giũa và tô điểm; nhưng họ không thể trở thành “những viên đá sống” vì họ không liên kết với Đấng Christ. Thiếu mối liên kết này, chẳng ai có thể được cứu. Không có sự sống của Đấng Christ trong chúng ta, chúng ta không thể đứng vững trước những cơn bão cám dỗ. Sự an toàn đời đời của chúng ta tùy thuộc vào việc chúng ta xây dựng trên nền tảng vững chắc. Ngày nay, vô số người đang xây dựng trên những nền tảng chưa được thử thách. Khi mưa đổ xuống, bão tố nổi lên và nước lũ tràn về, nhà của họ sẽ sụp đổ, vì nó không được xây trên tảng đá đời đời, đá góc nhà chính là Chúa Giê-su Christ.

"Đối với những kẻ không vâng phục, vấp ngã vì lời,' Đấng Christ là hòn đá vấp phạm. Nhưng 'hòn đá mà những người xây cất đã loại bỏ, ấy lại trở nên đầu góc.' Như hòn đá bị khước từ, Đấng Christ trong sứ mệnh ở trần gian đã gánh chịu sự thờ ơ và ngược đãi. Ngài đã bị 'khinh bỉ và bị loài người chối bỏ; một người của sấu khỗ, quen thuộc khỗ đau: ... Ngài đã bị khinh bỉ, và chúng ta chẳng coi Ngài ra gì.' Ê-sai 53:3. Nhưng thời điểm Ngài sẽ được vinh hiển đã gần. Bởi sự sống lại từ kẻ chết, Ngài sẽ được công bố là 'Con Đức Chúa Trời trong quyền năng.' Rô-ma 1:4. Trong lần tái lâm, Ngài sẽ được tỏ ra là Chúa của trời và đất. Những kẻ hiện đang sắp đóng đinh Ngài sẽ nhận biết sự vĩ đại của Ngài. Trước cả vũ trụ, hòn đá bị khước từ ấy sẽ trở nên đầu góc."

Và "hễ ai bị nó rơi trúng, nó sẽ nghiền nát người ấy." Những người đã từ chối Đấng Christ chẳng bao lâu sẽ thấy thành của họ và dân tộc của họ bị hủy diệt. Vinh quang của họ sẽ bị đập vỡ, và tan tác như bụi trước gió. Vậy điều gì đã hủy diệt người Do Thái? Chính là tảng đá mà, nếu họ xây dựng trên đó, thì đã là sự an toàn của họ. Ấy là lòng nhân lành của Đức Chúa Trời bị khinh bỉ, sự công chính bị khước từ, lòng thương xót bị xem thường. Con người tự lập mình chống lại Đức Chúa Trời, và mọi điều lẽ ra đem lại sự cứu rỗi cho họ đều bị biến thành sự hủy diệt của họ. Mọi điều Đức Chúa Trời đã định cho sự sống, đối với họ hóa ra là sự chết. Trong việc người Do Thái đóng đinh Đấng Christ có hàm chứa sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem. Huyết đổ ra trên Gô-gô-tha là sức nặng nhấn chìm họ vào sự diệt vong, cho đời này và đời sau. Cũng sẽ như vậy trong ngày cuối cùng vĩ đại, khi sự phán xét giáng trên những kẻ khước từ ân điển của Đức Chúa Trời. Đấng Christ, hòn đá vấp phạm của họ, bấy giờ sẽ hiện ra với họ như một ngọn núi báo thù. Vinh quang của dung nhan Ngài, vốn là sự sống đối với người công chính, sẽ là lửa thiêu nuốt đối với kẻ ác. Vì tình yêu bị chối bỏ, ân điển bị khinh bỉ, kẻ có tội sẽ bị hủy diệt.

Qua nhiều minh họa và những lời cảnh báo lặp đi lặp lại, Chúa Giê-su cho thấy hậu quả sẽ đến trên người Do Thái khi họ khước từ Con Đức Chúa Trời. Trong những lời này, Ngài đang nói với tất cả những ai thuộc mọi thời đại, những người từ chối tiếp nhận Ngài làm Đấng Cứu Chuộc của mình. Mọi lời cảnh báo đều dành cho họ. Đền thờ bị ô uế, người con bất tuân, những tá điền giả dối, những người thợ xây khinh thường—tất cả đều có hình ảnh tương ứng trong kinh nghiệm của mọi tội nhân. Nếu người ấy không ăn năn, án phạt mà những điều ấy báo trước sẽ giáng trên người ấy. Khát vọng của các thời đại, 597-600.

Chúng ta sẽ tiếp tục trong bài viết tiếp theo.